

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TRI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/01/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1988; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn H, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 26/02/2013. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì vợ chồng không còn hạnh phúc do có nhiều quan điểm bất đồng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau. Từ tháng 9/2021, vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Do nhận thấy

mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Dương Văn H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Dương Văn H kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H biết việc chị T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn cùng chị T. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều T ly hôn với anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tiền số 0003155 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã X (B, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Huyền Nhung**